

# Thư Gửi Phạm Thị Hoài

Nguyễn Văn Trung

Mến gửi chị Hoài,

Thật tiếc tôi chưa được đọc các tác phẩm của chị để tự mình nhận diện khuôn mặt người trí thức, hay vấn đề trí thức Việt Nam, mà theo Ban biên tập Cánh Én, là đề tài tiềm ẩn trong các sáng tác của chị và bài nói chuyện của chị là một phát biểu trực tiếp, bằng "ngôn ngữ chính luận thông thường" quan niệm của chị về đề tài kể trên. Vì hiện nay, chỉ có thể dựa vào bài nói chuyện, nên tôi e ngại có thể không hiểu hết hay không hiểu đúng những gì chị muốn gửi gắm như một sứ điệp của nhà văn qua các sáng tác của mình, nên xin lỗi chị trước.

Nhà văn hay nhà thơ sử dụng ngôn ngữ gián tiếp, hình tượng ẩn dụ, tượng trưng kêu gọi những gì mình trực quan mà đôi khi chưa thể diễn tả thành lời và vì những cảm quan đó không còn thuộc lãnh vực cái phi lý, cái có lý, mà đụng tới cái bi đát. Phạm trù bi đát không xóa bỏ cái phi lý hay cái có lý, mà chỉ vượt qua chúng. Hoặc nhà văn nhà thơ dừng lại ở lãnh vực thực tế, nhưng đưa ra lối nhìn khác lạ không theo những đường mòn mà người ta vẫn theo mỗi khi nói đến vấn đề gì, như thể là nhìn theo những đường mòn được coi như chân lý hiển nhiên - đã hẳn là thế rồi. Lối nhìn có khả năng mở đường vạch lối thường bị coi là chọc giận, xúc phạm, mang tính khuynh đảo, buộc người nghe phải nhìn lại, đặt lại vấn đề. Đó là vai trò của người sáng tác thơ, truyện...

Một nhà văn nữ người Pháp. Viviane Forrester không chuyên về kinh tế, đã đem kinh tế thế giới của thời hiện nay vào tiểu thuyết. Đã hẳn người đọc không thể tìm thấy trong truyện những hiểu biết chính xác về kinh tế thị trường, thậm chí có thể nhận ra những thiếu sót về hiểu biết kinh tế của một người không chuyên môn, nhưng điều quý của cuốn truyện là ở chỗ đã đưa người đọc vào một lối nhìn mới về kinh tế, cho thấy những khó khăn bất ổn, bất công không phải do kinh tế mà do một chính sách về chính trị. Cuốn truyện được dịch ra 24 thứ tiếng, bán trên 1 triệu cuốn.

Trong bài nói chuyện, chị buộc người đọc phải có những cái nhìn khác về cái nghèo truyền kiếp của VN, gắn liền với khái niệm bất an, như một nguyên nhân giải thích số phận của một dân tộc, hay sự nghèo nàn, trì trệ, lạc hậu của một nền văn học ở miền Bắc mà người ta đã cho là do một chế độ chính trị gây ra. Thế thì một nền văn học khác ở hải ngoại, cũng nghèo nàn, trì trệ, lạc hậu, tẻ nhạt không thể đổ lỗi do chế độ chính trị ở trong nước, vậy tại sao? Do đó lối nhìn, giải thích phải hướng tới những nguyên nhân khác nhau không phải thuộc một chế độ chính trị.

Tại sao chị nói cái nghèo lạc hậu truyền kiếp của VN đã là như thế, nhưng lại chưa bao giờ có như ngày nay và nguyên nhân, theo chị, là do sự bất an, do tình trạng thiếu an toàn, yên tâm về tinh thần. Phải chăng chị muốn ám chỉ một chế độ chính trị gọi là xã hội chủ nghĩa thực tế (socialisme réel) đã tạo ra tình trạng bất an đó?

Tình trạng bất an tạo ra tâm trạng xao xuyến. Tâm lý học phân biệt sợ và xao xuyến (angosse). Lo sợ có đối tượng làm cho sợ: Sợ cái gì, sợ ai. Đối tượng gây sợ hãi ở trước mặt, có thể xác định được, nhận diện được, do đó có thể tìm hiểu, giải thích và tìm ra được biện pháp khắc phục lo sợ. Trái lại xao xuyến là một lo sợ không rõ đối tượng, nguyên nhân, nhất là không thể xác định được đối tượng gây xao xuyến là gì, từ đâu đến, đến lúc nào, nên không thể đề phòng. Ngay cả khi đối tượng gây ra xao xuyến đã xuất hiện, bắt chịu thử thách, thử thách đã vượt qua được rồi cũng không rút kinh nghiệm gì được để đề ra biện pháp đề phòng vì trong tương lai, nó vẫn có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Con người trong hoàn cảnh sống đó luôn luôn cảm thấy bị đe dọa, đồng thời cũng cảm thấy bất lực, buộc phải sống trong một tâm trạng bất ổn thường xuyên vì cái gì cũng chỉ là tạm. Người buôn bán được cấp môn bài, tưởng rằng có thể an tâm buôn bán vì có đủ giấy tờ hợp pháp. Nhưng một ngày nào đó, có thể bị dẹp tiệm trong một đợt kiểm tra hành chánh. Người buôn bán cảm thấy bị lừa dối. Thực ra không phải lừa dối, vì buôn bán trong đạo lý

của một chế độ xã hội bị coi là là xấu xa từ bản chất, cần xoá bỏ. Tuy nhiên vẫn cho phép buôn bán như là một biện pháp nhân nhượng tạm thời trong thời kỳ gọi là quá độ. Hiểu như vậy, môn bài không thể có nghĩa một bảo đảm buôn bán là chính đáng, mặc dầu không gian lận, lậu thuế.

Trong chế độ cái gì cũng tạm thời như một nhà thơ đã đúc kết thành vè đăng trên báo chí công khai.

### Vè chữ Tạm

Nghe vè vè ve  
Nghe vè chữ tạm  
Lâu nay bị lạm  
ở xứ nước ta  
Chú Bảy anh Ba  
Công nhân giáo chức  
Lương tháng mấy đồng  
Tạm chi tạm ứng  
Chị Hai bán thúng  
Cô Bốn bán chè  
Lời được bao nhiêu  
Tạm thu thuế buổi  
Những ai chống đối  
Phe cánh hồng cùng  
Bảy đặt anh hùng  
Tạm thời nghỉ việc  
Dân khi có việc  
Lên xuống chục lần  
Sốt ruột tiêu gan  
Tạm chờ giải quyết  
Bệnh viện xuống cấp  
Trường học điêu tàn  
Sữa chữa cà tàng  
Cũng vì tạm rút  
Kể không hết xiết  
Thư hãy tạm dừng  
Đôi mới thẳng thừng  
Dẹp ngay chữ tạm

Lê Yên (Báo Sài Gòn Giải Phóng, ngày 22-02-1990)

Nhà thơ đã tránh né đụng đến những cái tạm khác, nhất là tạm tha. Tù chính trị thường không bị đưa ra toà, giam giữ rồi nếu được tha chỉ là tạm tha, do đó bất cứ lúc nào cũng có thể bị gọi trình diện và bắt lại.

Cuộc sống của mọi người bị đặt trong tình trạng bất ổn thường xuyên về mọi mặt, không phải chỉ người dân thường, mà cả cán bộ cấp lãnh đạo. Trong ý hướng về chủ nghĩa xã hội lý tưởng, cán bộ, đảng viên luôn phải cảnh giác, học tập, kiểm điểm, phê bình và tự phê bình, chính huấn hết đợt này lại phát động đợt kế tiếp, hết vấn đề này đến vấn đề kia, để khỏi mất lập trường, rơi vào sa đoạ. Mặc dầu không ngừng phấn đấu, cố gắng vươn lên cũng không có gì đảm bảo chắc chắn được an tâm vì luôn luôn vẫn có thể bị nghi ngờ, trở thành đối tượng có "vấn đề phức tạp" mà không bao giờ xác định rõ rệt được.

Nhớ lại những lần đổi tiền, tôi không lo đủ tiền và được bà con lối xóm cho thêm tiền để đủ đổi, nhưng chắc chắn biện pháp đổi tiền đã gây lo âu cho nhiều người, kể cả những người thuộc tầng lớp buôn thúng bán mẹt ở miền Nam. Sáng sớm hôm sau ngày đổi tiền, tôi lên sân thượng nhìn xuống phố phường bày ra quang cảnh thật lạnh lẽo vắng vẻ, tôi thực sự cảm phục quyết tâm hủy diệt ước muốn có, có của và có của riêng, không phải chỉ ở nơi tầng lớp gọi là tư sản, mà cả tầng lớp gọi là vô sản, và người thuộc tầng lớp

này có thể ước muốn có, có của và có của riêng mãnh liệt hơn người gọi là tư sản., nhằm thực hiện tinh thần khó nghèo (1). Người thực hiện tinh thần khó nghèo đạt được thái độ thanh thản, an tâm vì có gì đâu mà sợ mất. Nhưng thực tế quyết định hủy diệt ước muốn có, có của, có của riêng của một chế độ chính trị, bề ngoài chỉ mang tính chất xã hội, kinh tế, thực ra bắt nguồn từ một ý hướng mang tính chất tôn giáo. Tuy nhiên chế độ chính trị lại không phải một tôn giáo. Trong tôn giáo, người từ chối ước muốn có của, ở mức độ cao hơn cả là lựa chọn lối sống khổ tu và quyết định lựa chọn của mình là do tự giác tự nguyện, dựa trên niềm tin đời này là tạm bợ và hướng về một Thiên Đàng ở đời sau. Còn trong chế độ chính trị mang tính chất tôn giáo ước muốn có của bị coi là bất chính và mọi người miễn cưỡng buộc phải từ bỏ mọi ước muốn có của chỉ dựa vào hy vọng xa vời về một Thiên Đàng được thực hiện ngay ở trần thế.

Ai dám phủ nhận lý tưởng là không chính đáng, cao đẹp. Vị thế trí thức sống trong một chế độ như vậy không có con đường nào khác là nhân danh lý tưởng cao đẹp đó để phê phán những lệch lạc, sa đọa một cách công khai. Đó là bản chất thái độ hay chủ nghĩa gọi là xét lại. Còn nếu không muốn bị gán cho là xét lại, chỉ còn cách sáng tác thứ văn chương dân gian một cách vô danh. Sau khi có chính sách gọi là đổi mới, mở cửa, ngay cả đảng viên từ nay cũng được tự do kinh doanh làm giàu, ước muốn có, có của và có của riêng được coi là chính đáng và hơn nữa được khuyến khích. Sự kiện gọi là "bung ra" này vẫn còn đang tiếp diễn cho đến nay.

Xem các băng video do Việt kiều thực hiện về đời sống hiện nay ở các đô thị VN, đặc biệt Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang... phải hiểu thế nào về cái nghèo hiện nay sau khi có chính sách kê trên! Đó là vấn đề thuộc thẩm quyền các nhà kinh tế, chính trị học.

Tuy nhiên cái nghèo cũng còn được nhìn theo một khía cạnh khác, không phải kinh tế, chính trị. Đó là lối nhìn, tìm hiểu thái độ của con người đối với cái nghèo, từ thời xa xưa, cho đến bây giờ. Xin nhắc lại, giới thiệu bài nhan đề: "Sắp tới ngày thủ đô, tâm sự người Hà Nội" ký tên Quang Lợi, đăng trong Nhân Dân số 10.328, ngày 3-10-1982. Người viết tự nhận là người Hà Nội đã sống qua nhiều chế độ, gọi lại cảnh sống của người Hà Nội vào đầu thế kỷ XIX, dưới ngòi bút của Cao Bá Quát, là khu Đình Ngang gần Cửa Nam, người Hà Nội thời đó đối xử với nhau thế nào? Còn người Hà Nội ngày nay đối xử với nhau ra sao, rồi người viết nêu những câu hỏi: "Văng tục, bắt nã, vô lễ với người khác ở ngoài đường, trong rạp chiếu bóng, đâu có phải vì không có tiền đong gạo? Tháo ghế của công viên, bóc gạch lát hè, ăn cắp cửa chớp của các nhà vắng chủ, đó là câu chuyện của người có tiền làm nhà, đâu phải của những người lương thấp? Để nói với những người Hà Nội cho rằng, vì đời sống người Hà Nội hiện nay khó khăn nên mới tác động đến tư cách đạo đức của con người và do đó phải tìm nguyên nhân ở chỗ khác, không phải tại cái nghèo. Người viết kết luận: "Xin hỏi người Hà Nội. Tại sao. Xin hỏi mỗi tấm lòng người Hà Nội?"

Chị Hoài thân mến, chị đặt vấn đề cái nghèo, thiết tưởng cũng nên trả lời những câu hỏi của ông Quang Lợi nêu lên trong thời bao cấp.

Sau cùng, đề nghị nhìn vấn đề chị đặt ra trong viễn tượng thu hẹp. Một vài ghi nhận kể trên về nỗi bất an cho thấy, đó là một khái niệm chủ chốt của triết học hiện sinh, đặc biệt theo Heidegger và Sartre. Triết học này có một số khái niệm khác, chẳng hạn khái niệm dự phóng (projet). Con người là một dự phóng hiểu theo nghĩa khả năng vượt quá khứ, hiện tại vươn tới tương lai. Chắc chị vẫn nhớ nhiều câu ca dao, văn học dân gian mới so sánh Hà Nội, Sài Gòn, Vacsovie... diễn tả tâm trạng bế tắc sống trong một thời gian biến đổi mà ngày hôm nay thua ngày hôm qua, nhưng chắc chắn hơn ngày mai. Dự phóng về tương lai trong xã hội chủ nghĩa thực tế của con người bị cột chặt chân vào hiện tại không thoát khỏi được. Sự bất lực này đã tạo ra những thái độ bám víu vào hiện tại, như thể sống chỉ biết ngày hôm nay.

Một người đã gợi ý cho tôi về nếp sống hiện sinh ở miền Bắc là Tuân Nguyễn, đã qua đời. Anh kể cho tôi nghe một số nét thật đặc biệt của nếp sống đó, không thể tìm thấy ở miền Nam trước 1975. Trong thời gian quen biết, trò chuyện thân tình với Tuân Nguyễn và một số bạn khác từ miền Bắc vào, một vị lãnh đạo tư tưởng nghệ thuật ở Hà Nội đã đề nghị tôi viết về hiện sinh và nhấn mạnh rõ ràng cần viết theo quan điểm của tôi. Nhưng lúc đó, quãng 1980, tôi chỉ mới thấy việc đó đặt ra trên sách báo miền Nam, miền Bắc, đặc biệt liên quan đến văn học và phê bình văn học. Tôi đã viết một tập trên 200 trang và lấy một phần đăng trên tạp chí "Văn Học" ở Cali Hoa Kỳ. Lúc viết tập này, tôi chưa nhận ra hiện sinh là một

nếp sống như một thể chế (institution) trong xã hội chủ nghĩa thực tế, mang tính cưỡng bách, áp đặt cho tất cả mọi người, không phải chỉ là một tự do lựa chọn của mình của một vài cá nhân như ở miền Nam trước 1975 và ở Âu Châu.

Chỉ mấy năm sau, tôi mới hiểu nếu Tuân Nguyễn đã cảm nhận được hiện sinh như một thể chế, thì những người khác cũng như mấy vị lãnh đạo văn hoá văn nghệ ở trung ương cũng đã cảm nhận như Tuân Nguyễn và đề nghị tôi viết lý luận về nếp sống đó trong thực tế, không phải chỉ trong sách vở. Hiện sinh như một thể chế, đó là một khám phá mới lạ thật lý thú, mà theo chỗ tôi biết, chưa hề thấy ai đề cập đến ở Tây phương, nơi vẫn tiếp tục tìm hiểu về Hiện tượng luận hiện sinh, đặc biệt được nhắc tới sau 20 năm ngày Sartre qua đời. Nếu bản thân tôi không sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa thực tế, chắc chắn tôi đã không thể cảm nhận được thể nào là "hiện sinh như một thể chế". Do đó tôi cần phải viết thêm về vấn đề này để đáp lại yêu cầu của giới văn hoá nghệ thuật ở Hà Nội đặt ra cách đây trên 20 năm, nhất là nếp sống hiện sinh như một thể chế vẫn tiếp tục tác động vào xã hội VN, sau thời kỳ gọi đổi mới, bung ra... Tôi rất muốn đọc thơ Tuân Nguyễn xem anh có nói gì về vấn đề mà anh đã gợi ý cho tôi không. Tôi cũng xin hỏi chị hoặc có ai đã ám chỉ nếp sống kể trên trong các sáng tác của mình?

■

Một cách cụ thể, đi vào đề tài chị nêu lên: tìm hiểu người trí thức trong hai tư cách: chính thống và học trò, tôi nghĩ những ai muốn đóng góp ý kiến, thiết tưởng nên trình bày một công trình nghiên cứu của mình, hay ít ra một "monographie" về một khía cạnh của vấn đề dựa vào tài liệu và chỉ phát biểu tư tưởng của mình có mà thôi. Như vậy việc trao đổi mới thực sự hữu ích trong đó mọi người góp phần của mình để đạt tới một cái nhìn sát thực, bao quát, tránh những tranh luận chỉ dựa vào cảm nghĩ chủ quan.

Trong tinh thần đó, vấn đề nêu lên có thể đặt như sau:

1. Các chế độ chính trị từ xưa đến nay ở VN đã sử dụng trí thức thế nào và thái độ của người trí thức đối với các chính sách của những chế độ đó ra sao?
2. Những nền văn hoá lớn nào đã du nhập vào VN và trí thức VN đã phản ứng như thế nào?

Vào thời kỳ những năm 80, tôi được yêu cầu phát biểu về chính sách nên có thế nào đối với trí thức cũ của miền Nam trước 75, và năm 1993, tôi cũng được ban Dân Vận đề nghị cho biết ý kiến cùng với một số vị khác về đường lối đổi mới và chính sách đối với trí thức trong nước, ngoài nước. Trước 1975, tôi đã có nhiều dịp nói về vấn đề này. Bây giờ nhìn lại, tôi tự hỏi có nên nêu vấn đề trí thức như một vấn đề riêng biệt, tìm hiểu trí thức là gì, vai trò của họ? Tôi thấy chỉ ở VN, ở Pháp hay nêu vấn đề theo kiểu đó. Hiện nay ở Pháp người ta vẫn tranh luận, ra nhiều sách. Người thì cho trí thức hết vai trò rồi, người nghĩ ngược lại. Tôi không hiểu ở Đức, Nga có kiểu tranh luận như vậy không, chứ ở Bắc Mỹ thì không.

Về đề tài thứ nhất: Tư cách chính thống của trí thức hay các chế độ chính trị đã quan niệm và sử dụng trí thức ra sao, tôi đã có một công trình nghiên cứu chuyên sâu. Tôi dựa vào sự phân biệt của Gramsci Tổng bí thư đảng CS Ý, một thời vào những năm 70, được coi như một thứ Lenin lý thuyết gia của CS châu Âu. Gramsci phân biệt trí thức hữu cơ, do chế độ đào tạo ra và trí thức truyền thống, do các chế độ trước tạo ra và chế độ hiện tại tìm cách sử dụng lại bằng đường lối cải tạo. Tôi đã tìm hiểu chế độ thực dân Pháp sử dụng trí thức thế nào qua trường hợp Tạp chí Nam Phong và nhân vật tiêu biểu là Phạm Quỳnh và Trương Vĩnh Ký, mà chị đã nhắc qua.

Thời VNCH (1955-1975) tôi sống trong đó nên hiểu cách người Mỹ cải tạo trí thức do Pháp đào tạo và cách họ đào tạo trí thức theo lối Mỹ, nhưng chưa có công trình nghiên cứu khoa học. Những người đã từng sống ở miền Bắc theo chế độ từ 1945, sẽ đóng góp bằng những công trình nghiên cứu cách chế độ quan niệm và sử dụng trí thức. Chỉ sau khi có những công trình như vậy, mới tạm rút ra được một số ghi nhận về đề tài này.

Về đề tài thứ hai, tôi đang theo đuổi một công trình nghiên cứu về các nền văn hoá Trung Hoa, Âu châu du nhập VN, trí thức VN đã phản ứng ra sao, qua đề tài tìm hiểu lý luận về dịch thuật. Đây là vấn đề lớn nhất hiện nay ở các nước phương Tây, bao quát không chỉ lãnh vực dịch từ tiếng này, văn hoá này sang tiếng khác, văn hoá khác, mà ngay trong khuôn khổ một tiếng, một văn hoá vì hiểu là dịch. Vấn đề tôi đặt ra là: Tại sao ở Đức, Martin Luther qua việc dịch Kinh Thánh ra tiếng Đức đã giải thoát nước Đức ra khỏi sự khống chế của tiếng La Tinh và ông đã trở thành một người khai phóng, xây dựng tiếng Đức, văn hoá Đức. Tại sao ở VN nhà Nho, nhà sư không thực hiện một giải thoát tương tự đưa VN ra khỏi sự kiềm chế của chữ Nho, văn hoá Trung Quốc, mở đầu một nền văn học qua việc dùng tiếng Việt, chữ Việt là chữ Nôm, Quốc ngữ? Nhưng có những nhà Nho, nhà sư theo đạo Chúa làm được việc đó. Trong bài gợi ý, chị cũng đã nêu lên vấn đề chữ Nôm, quốc ngữ. Tôi đã viết xong một tập gần 100 trang viết tay, tạm đủ để nêu vấn đề mà chị đã đặt ra, làm cơ sở thực tế cho việc trao đổi ý kiến.

Nguyễn Văn Trung  
Montreal, cuối tháng 5-2001

(1) "Vài ý nghĩ về cái có" ký tên Hoàng Thảo Linh, tôi đã đăng tạp chí "Đứng Dậy" số 97, tháng 9-1977.